

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2019/HS-ST
Ngày: 08-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị B, sinh ngày 22/3/1987, tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà 21, đường Đ, tổ 10B, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ph; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trương Thị Bích Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 4, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

+ Anh Hoàng Đức C, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 18, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

+ Chị Đặng Thị Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 2 L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt);

+ Chị Phạm Thị Nh (tên gọi khác Phạm Thị H), sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

- *Người chứng kiến*: Ông Đinh Văn Kh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị B được phòng Tài chính kế hoạch UBND thành phố Tam Điệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là hộ kinh doanh cá thể ngày 03/01/2018, và được Chi cục Thuế thành phố Tam Điệp cấp quyền Hóa đơn bán hàng số 001532 từ số 0076551 đến số 0076600 do Cục Thuế tỉnh Ninh Bình phát hành. Trong thời gian từ ngày 06/5/2019 đến ngày 14/5/2019, do có nhiều người đến hỏi mua hóa đơn bán hàng mà không mua hàng hóa để về hợp lý hóa thủ tục thanh toán cho cơ quan, đơn vị nên Phạm Thị B đã bán trái phép nhiều hóa đơn có ghi các nội dung tại các mục họ tên người mua hàng, đơn vị, tên hàng hóa dịch vụ, số lượng, đơn giá, số tiền thanh toán và chữ ký của người bán hàng trên hóa đơn cho nhiều người để thu lời bất chính từ 2,5% đến 5% số tiền ghi không trên các tờ hóa đơn bán hàng mà Phạm Thị B đã bán cho người mua, cụ thể như sau:

- Bán cho chị Trương Thị Bích Th (là Kế toán trưởng THCS T) 06 số hóa đơn bán hàng (gồm các số: 0076551; 0076570; 0076571; 0076572; 0076576; 0076580) đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán, với tổng số tiền là 11.622.000 đồng. Chị Trương Thị Bích Th đã trả cho Phạm Thị B số tiền 270.000 đồng.

- Bán cho chị Hoàng Thị H (là Kế toán trưởng Mầm non T) 02 hóa đơn bán hàng (gồm các số: 0076573; 0076574) đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán, với tổng số tiền là 6.291.000 đồng. Chị H trả cho Phạm Thị B tổng số tiền là 295.000 đồng.

- Bán cho anh Hoàng Đức C (là cán bộ hành chính Phòng Văn hóa thông tin thành phố T) 01 hóa đơn bán hàng số 0076575 đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán, với tổng số tiền là 12.100.000 đồng. Anh C trả cho Phạm Thị B 605.000 đồng.

- Bán cho chị Đặng Thị Ph (là nhân viên hành chính Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Thành Công) 02 hóa đơn bán hàng (bao gồm các số: 0076552 và 0076556) đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán, với tổng số tiền là 4.585.000 đồng. Chị Ph trả cho Phạm Thị B 137.000 đồng.

- Ngày 14/5/2019 Phạm Thị B bán cho Phạm Thị Nh (tên gọi khác Phạm Thị H) 01 số hóa đơn số 0076581 đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán, với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Chị Nh nhận tờ hóa đơn, trả 100.000 đồng cho B và đi ra chỗ dựng xe trước cửa hàng thì bị Tổ công tác Công an thành phố Tam Điệp phát hiện, kiểm tra. Chị Nh khai nhận là tờ hóa đơn bán hàng vừa mua được của chị Phạm Thị B với giá 100.000 đồng, khi mua hóa đơn

không có hàng hóa kèm theo. Trong lúc kiểm tra, chị Nh còn giao nộp cho tổ công tác 01 hóa đơn số 0076569 mua trước đây của Phạm Thị B, cũng đã ghi nội dung mặt hàng và số tiền thanh toán là 2.000.000 đồng, chị Nh với giá 60.000 đồng.

Công an thành phố Tam Điệp đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với Phạm Thị B và kiểm tra cửa hàng của Phạm Thị B. Quá trình kiểm tra đã thu giữ của Phạm Thị B 01 quyển hóa đơn bán hàng, ký hiệu 27AC/18P, quyển số 001532, từ số 0076551 đến số 0076600 do Cục thuế tỉnh Ninh Bình phát hành; 01 tờ giấy than (đã qua sử dụng) và 02 sổ hóa đơn liên 2 gồm: 0076569 và 0076581. Thu giữ số tiền 100.000 đồng là tiền B bán hóa đơn trái phép cho chị Phạm Thị Nh.

Sau khi thu giữ quyển hóa đơn của B và toàn bộ sổ hóa đơn liên 2 của người mua. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã ra Quyết định trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 24/KLGD-PC09-TL ngày 27/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

- Nội dung in mẫu (phôi in) “Hóa đơn bán hàng” (liên 2) các số: 0076551, 0076552, 0076556, 0076569, 0076570, 0076571, 0076572, 0076573, 0076574, 0076575, 0076576, 0076580, 0076581 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A13 so với nội dung in mẫu (phôi in) “Hóa đơn bán hàng” (liên 2) từ số 0076582 đến số 0076600 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M19 là do cùng một bản in ra.

- Chữ viết, chữ số, chữ ký qua giấy than mang tên Phạm Thị B (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Người mua hàng”) trên các “Hóa đơn bán hàng” (liên 2) của tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A13 so với chữ viết, chữ số, chữ ký mang tên Phạm Thị B (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Người mua hàng”) trên các “Hóa đơn bán hàng” (liên 1 được viết trực tiếp; liên 3 được viết qua giấy than) của tài liệu cần giám định ký hiệu từ A14 đến A39 là do cùng một người viết ra, ký ra.

- Chữ viết, chữ số, chữ ký mang tên Phạm Thị B trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Người mua hàng”) trên các “Hóa đơn bán hàng” liên 2 viết qua giấy than ký hiệu từ A1 đến A13; liên 1 được viết trực tiếp; liên 3 viết qua giấy than ký hiệu từ A14 đến A39 so với chữ viết, chữ số, chữ ký của Phạm Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M20 đến M22 là do cùng một người viết, ký ra.

Quá trình điều tra xác định Phạm Thị B đã bán trái phép 13 hóa đơn bán hàng với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 38.598.000 đồng, B thu lợi giá trị phần trăm trên hóa đơn được số tiền là 1.467.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Thị B về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị B và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 60.000.0000 đồng đến 65.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 1.992.000 (một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng, tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đã được chuyển đến tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo ủy nhiệm chi lập ngày 01/10/2019.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã nêu. Bị cáo cho rằng bị truy tố là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra những người có liên quan là các chị Trương Thị Bích Th, Hoàng Thị H, Đặng Thị Ph, Phạm Thị Nh và anh Hoàng Đức C thừa nhận có hành vi mua trái phép hóa đơn bán hàng của bị cáo Phạm Thị B nhưng thực chất không mua hàng, rồi trả tiền theo tỷ lệ phần trăm giá trị tiền ghi trong hóa đơn để lấy hóa đơn về thanh toán cho phần hàng hóa đã mua nhưng không có hóa đơn tại các cơ sở bán hàng khác. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng xác nhận đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tờ hóa đơn bán hàng mua của bị cáo Phạm Thị B. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với nội dung bản kết luận giám định số 24/KLGD-PC09-TL ngày 27/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, biên bản vi phạm hành chính, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/5/2019 đến ngày 14/5/2019, bị cáo Phạm Thị B đã có hành vi bán trái phép 13 số hóa đơn bán hàng, có ghi nội dung là các mặt hàng nhưng không có các giao dịch hàng hóa kèm theo cho những người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng doanh số bán hàng ghi trên hóa đơn là 38.598.000 đồng, thu được số tiền 1.467.000 đồng, nhằm mục đích thu lời bất chính.

[3] Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự quy định về Tội mua bán trái phép hóa đơn như sau:

1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Bị cáo Phạm Thị B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do cố ý, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: trước khi phạm tội bị cáo Phạm Thị B là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, bản thân là phụ nữ, phạm tội với mục đích kiếm lời nhưng số tiền thu lời bất chính không lớn, số hóa đơn bán hàng bị cáo bán ra không lớn nên có thể áp dụng loại hình phạt tiền đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đề nghị xử phạt bị cáo là phù hợp và tương xứng với tính chất hành vi phạm tội nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 quyển hóa đơn bán hàng, ký hiệu 27AC/18P, quyển số 001532, từ số 0076551 đến số 0076600 do Cục thuế tỉnh Ninh Bình phát hành; 01 tờ giấy than (đã qua sử dụng) và 13 số hóa đơn liên 2 gồm:

0076569,0076581,0076551, 0076552, 0076556, 0076570, 0076571, 0076572, 0076573, 0076574, 0076575, 0076576, 0076580 đã được chuyển theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 1.992.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ (bao gồm 100.000 đồng thu khi kiểm tra hành chính và 1.892.000 đồng do bị cáo Phạm Thị B tự giao nộp), trong đó 1.467.000 đồng là tiền bị cáo bán 13 số hóa đơn cho các chị Trương Thị Bích Th, Hoàn Thị H, Đặng Thị Ph, Phạm Thị Nh và anh Hoàng Đức C, 525.000 đồng là tiền thu được từ việc bán 13 số hóa đơn còn lại nhưng chưa xác định được người mua, đều là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Sau khi mua được số hóa đơn bán hàng, chị Th đã sử dụng 05 số hóa đơn (trong tổng số 06 số hóa đơn) làm chứng từ quyết toán cho Trường THCS T, chị H đã sử dụng 02 hóa đơn nêu trên làm chứng từ quyết toán cho Trường mầm non T, anh Hoàng Đức C sử dụng 01 số hóa đơn làm chứng từ quyết toán cho Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố T. Sau khi tiến hành xác minh, xác định các hóa đơn trên đều nhằm hợp lý hóa chứng từ cho các hàng hóa có thật, được mua tại cơ sở bán lẻ khác nhưng không có hóa đơn, không có dấu hiệu xâm phạm tài sản của Nhà nước hoặc trốn thuế. Do vậy, hành vi mua các số hóa đơn trái phép của các chị Trương Thị Bích Th, Hoàn Thị H, Đặng Thị Ph, Phạm Thị Nh và anh Hoàng Đức C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Căn cứ vào Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã chuyển tài liệu đến Chi cục thuế thành phố Tam Điệp đề nghị xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài 13 số hóa đơn bị cáo Phạm Thị B bán nêu trên, bị cáo còn khai nhận còn bán 13 số hóa đơn bán hàng khác, gồm các số: 0076553, 0076557, 0076558, 0076559, 0076560, 0076561, 0076562, 0076563, 0076564, 0076565, 0076566, 0076567, 0076568 nhưng đến nay không thu giữ được liên 2 của các số hóa đơn này và không xác minh được người mua nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu để tiếp tục điều tra để xử lý sau là đúng pháp luật.

[8] Bị cáo Phạm Thị B bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 203; các điểm, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị B phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị B 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 1.992.000 đồng (một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Phạm Thị B (đã được chuyển đến tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo ủy nhiệm chi lập ngày 01/10/2019).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Cơ quan Điều tra CATP Tam Điệp;
- Cơ quan THA hình sự CATP Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Quách Thành Trung